

Bản án số: 31/2017/HNGĐ - ST

Ngày: 07/12/2017

V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung
khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hạnh Thu.
2. Bà Nguyễn Thị Hồng.

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Tứ Kỳ.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ - tỉnh Hải Dương tham
gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ,
tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 243/2017/TLST-
HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2017 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly
hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày
02/11/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2017/QĐST - HNGĐ ngày
20/11/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mai Thị S, sinh năm 1977;

ĐKKHTT: Ấp 2, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện
nay: phường N, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt và có đơn đề nghị
xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt lần 2 không
có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, chị Mai Thị S là
nguyên đơn trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn M kết hôn tự nguyện và có đăng

ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa năm 1997. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp, anh M không tu chí làm ăn, thường xuyên uống rượu say, chị có khuyên lại bị anh M đánh đập, kể cả lúc chị mang bầu anh M cũng thường xuyên chửi, đánh chị. Do không thể chịu đựng được nên chị phải về nhà bố mẹ đẻ ở xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa để sống và chờ đến ngày sinh con. Năm 2002 anh chị lại chung sống với nhau tại thôn A, xã A, huyện T, tỉnh Hải Dương. Nhưng ở với nhau được khoảng 02 năm vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn, anh M đánh đuổi chị, nên chị đã vào thành phố Hồ Chí Minh để sinh sống, vợ chồng sống ly thân cho đến nay không ai quan tâm tới ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh M.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Thị Minh H, sinh ngày 10/11/2000, hiện đang ở với chị. Ly hôn chị đề nghị được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của bị đơn anh Nguyễn Văn M trình bày: Anh và chị S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa ngày 25/7/1997. Trong cuộc sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn lớn, mà do quan điểm khác nhau nên dẫn đến hiểu lầm nhau. Chị S vào thành phố Hồ Chí Minh để sinh sống còn anh ở tại thôn A, xã A, huyện T, tỉnh Hải Dương để nuôi dưỡng mẹ già. Nay chị S đề nghị giải quyết ly hôn anh không nhất trí, anh muốn vợ chồng hàn gắn quan hệ tình cảm, nhưng anh cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nếu chị S cứ cương quyết ly hôn với anh, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con như chị S trình bày là đúng, hiện nay cháu đang ở với chị S. Ly hôn anh đề nghị được trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con Nguyễn Thị Minh H, anh không yêu cầu chị S phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của cháu Nguyễn Thị Minh H: Nguyên vọng muốn được ở với mẹ.

Tại phiên tòa: Chị S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có quan điểm vẫn giữ nguyên yêu cầu giải quyết ly hôn với anh M và đề nghị được tiếp tục nuôi con chung Nguyễn Thị Minh H và tự nguyện không yêu cầu anh M cấp dưỡng cho con.

Anh M vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán và HĐXX, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các điều: 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị Sáu có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn: Đã cơ bản thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều: 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự như trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai bị đơn vẫn không có mặt tại phiên tòa. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều: 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Mai Thị S về ly hôn với anh Nguyễn Văn M. Về con chung: Giao con Nguyễn Thị Minh H, sinh ngày 10/11/2000 cho chị Mai Thị S nuôi dưỡng, chăm sóc; chấp nhận sự tự nguyện của chị S không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng cho con. Về án phí: Chị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Chị Mai Thị S có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị S, anh M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị S và anh Nguyễn Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa ngày 25/7/1997. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh M là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng hạnh phúc được gần 5 năm đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Năm 2003 chị S đã vào Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, còn anh M vẫn ở quê, vợ chồng sống ly thân từ đó tới nay không ai quan tâm tới ai. Gia đình hai bên và các đoàn thể địa phương cũng đã gặp gỡ và khuyên anh chị đoàn tụ nhưng không có kết quả. Giữa anh M và chị S cũng không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ tình cảm vợ chồng. Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị S và anh M thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị S cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết

cho chị được ly hôn anh M. Do vậy, căn cứ các điều: 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị S được ly hôn với anh M là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Thị Minh H, sinh ngày 10/11/2000. Hội đồng xét xử thấy: Trong suốt khoảng thời gian từ năm 2003 cho tới nay, chị S luôn gần gũi, chăm sóc, dạy dỗ, nuôi dưỡng con. Hiện tại chị S có công việc làm và thu nhập ổn định, nguyện vọng của cháu H muốn ở với chị S. Việc chị S trực tiếp nuôi dưỡng con cho đến khi con thành niên là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của các bên hiện nay, đồng thời không làm xáo trộn cuộc sống, không gây ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển bình thường của con chung. Do vậy giao con Nguyễn Thị Minh H cho chị S trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của chị S không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng cho con. Như vậy là phù hợp các điều: 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản vợ chồng, công nợ: Chị S, anh M không yêu cầu nên không phải đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Mai Thị S là nguyên đơn nên phải chịu án phí sơ thẩm dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều: 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mai Thị S ly hôn anh Nguyễn Văn M.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao con chung Nguyễn Thị Minh H, sinh ngày 10/11/2000 cho chị Mai Thị S được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị S không yêu cầu anh M phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Mai Thị S phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sơ thẩm (Hôn nhân gia đình), được đối trừ với số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2014/0002053 ngày 05/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục T.H.A.DS huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hs, vp.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Văn Tú